

Bản án số: 44/2023/HS-ST
Ngày 29-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sĩ

Nơi công tác: Trường Trung học cơ sở Tràm Chim

Ông Hồ Ngọc Thành

Nơi công tác: Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Phục - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023, đối với:

- Bị cáo Nguyễn Văn D, sinh năm 1973; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1932 và bà Trần Thị T, sinh năm 1937; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 22/LCĐKNCT ngày 23/5/2023, có mặt.

- Bị hại:

1. Trương Thị Như Q, sinh ngày 11/7/2008, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Trương Thị Như Q:

Trương Văn L, sinh năm 1978 (cha ruột), có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Hà Thị Bích T1, sinh ngày 18/02/2009, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện tại: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Hà Thị Bích T1:

Hà Văn L1, sinh năm 1983 (cha ruột), có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Trương Thị Như Q và Hà Thị Bích T1: Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, Ủy viên chuyên trách Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện T, có đơn xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Thị P, sinh năm 1984, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thị Hoa T2, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: ấp Phú Long, xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng
Tháp

3. Đào Thị Yên N2, sinh ngày 05/6/2009, có đơn xin vắng mặt.

4. Nguyễn Thị Kiều M, sinh ngày 20/7/2009, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Hồ Thị H (X), sinh ngày 31/8/2007, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Ánh T3, sinh ngày 29/11/2006, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ngô Thị Thúy T4, sinh ngày 12/01/2008, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Thị Bảo N3, sinh ngày 24/02/2009, có đơn xin vắng mặt.

(Người đại diện hợp pháp cho N3 có ông Nguyễn Văn N4, sinh năm
1964)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho N2, M, H, T3, T4 và N3: Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, Ủy viên chuyên trách Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện T, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thị Như Q, sinh ngày 11/7/2008, ngụ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, là học sinh lớp 9A2, trường Trung học cơ sở - Tiểu học xã P (thuộc

ấp P, xã P B) đến căn tin bán ăn uống của Nguyễn Văn D ở cặp vách hàng rào trường học.

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/01/2023, Trương Thị Như Q, đi học và đến căn tin bán ăn uống của D để lấy xe mô tô biển số kiểm soát 66NA – 021.27, vì Q gửi xe phía sau căn tin của D. Trong lúc Q dẫn xe, D từ phía sau đi tới dùng tay vỗ vai, bóp vú và sờ vào âm hộ của Q, Q hoảng sợ bỏ chạy ra phía trước cửa căn tin của D gặp Đào Thị Yên N2, Nguyễn Thị Kiều M, Nguyễn Ánh T3, Hồ Thị H (X) là bạn học chung trường kể lại sự việc bị D xâm hại như trên và nhờ N2 và H đi vào dẫn xe ra cho Q, sau đó, Q về nhà nói lại cho cha ruột Trương Văn L và tố giác hành vi của D và yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật. Quá trình điều tra, chứng minh được vào ngày 07/01/2023, Nguyễn Văn D đang nằm võng ở cửa sau căn tin, lúc này Q (mới 14 tuổi 05 tháng 29 ngày) đi ngang, D dùng tay phải sờ vào mông phải của Q 01 cái, Q không phản ứng gì mà bỏ đi giống với nhóm bạn của Q. Ngoài ra, bị hại Q cho rằng ngày 06/01/2023, Q đang nằm võng trong căn tin của D, D đi ngang dùng tay ấn và bóp vào vùng ngực của Q. Ngày 07/01/2023 và ngày 10/01/2023, D có hành vi như trình bày trên, ngoài ra còn dùng lời lẽ không tế nhị như “cho ông xin nước làm thuốc nhe”.

Đối với Hà Thị Bích T1, sinh ngày 18/02/2009, ngụ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cũng đến cơ quan điều tra tố giác Nguyễn Văn D như sau: Trâm là học sinh lớp 8A1, trường Trung học cơ sở - và là bạn của Trương Thị Như Q. Vào khoảng tháng 11/2022, T1 thường xuyên đến căn tin của D mua đồ ăn, nước uống, khi đứng mua, D dùng tay sờ vào ngực và mông của T1 nhiều lần (khoảng 05 – 06 lần) có bạn của T1 là Nguyễn Thị Bảo N3 nhìn thấy. Ngoài ra, trong khi cơ quan điều tra làm việc D xong thì D cho T1 2.000.000 đồng để làm chi phí đi lại.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn D khai nhận: vào khoảng hơn 15 giờ ngày 10/01/2023, D dùng tay phải vỗ vào phần bả vai bên trái của Q, thì Quỳnh nghiến người qua bên tay phải nên tay phải của D trượt xuống trúng vào phần ngực (vú) bên trái của Q, tiếp tục D dùng tay trái sờ vào phần mông phải Q thêm 01 cái rồi bỏ đi, không thừa nhận sờ âm hộ và không có nói những lời lẽ thô tục như lời khai Q. Ngoài ra, vào ngày 07/01/2023, D dùng tay phải sờ vào mông phải của Q 01 cái, Q không phản ứng gì mà bỏ đi giống với nhóm bạn của Q. Riêng đối Bích Trâm thì D không thừa nhận có hành vi sờ ngực và mông. D chỉ thừa nhận do các cháu học sinh có gửi phương tiện tại căn tin, nghĩ con cháu D thương nên dùng tay nựng má và vỗ vai, còn số tiền 2.000.000 đồng D cho T1 là do thấy T1 và gia đình khó khăn đi làm thuê, bản thân T1 không có tiền đi học nên D mới cho T1, không có mục đích nào khác nên không yêu cầu nhận lại.

Căn cứ vào biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 12/01/2023 của Trương Thị Như Q, thể hiện như sau: Q không có dấu vết hay thương tích gì trên cơ thể.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn D: 01 bộ quần áo, (trong đó: 01 quần cụt màu xám sọc ca rô và 01 áo thun cụt tay màu xám), (bút lục số: 18); Trương Thị Như Q: 01 bộ quần áo, (trong đó: 01 quần dài màu đen, 01 áo trắng loại đồng phục học sinh và 01 áo ngực màu da người).

Tại Cáo trạng số: 43/CT-VKS-TN ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, theo Cáo trạng truy tố bị cáo D phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” với tình tiết định khung là: Phạm tội 02 lần trở lên và đối với 02 người trở lên theo điểm b, c khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo chỉ thừa nhận phạm tội 02 lần trở lên với bị hại Q; Riêng bị hại T1, bị cáo không thừa nhận có hành vi giống như bị hại Q. Xét thấy, sự việc của bị hại T1 xảy ra khoảng tháng 11/2022 nhưng chỉ có lời khai bị hại T1 và người làm chứng tên N3, không còn chứng cứ khác nên chưa đủ căn cứ buộc tội bị cáo có hành vi dâm ô đối với T1.

Căn cứ Điều 319 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Viện kiểm sát rút một phần truy tố tình tiết định khung phạm tội đối với 02 người trở lên theo điểm c khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 146; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự và Điều 319 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D, phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Nguyễn Văn D khai: Thừa nhận hành vi phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” đối với bị hại Q là 02 lần vào ngày 07/01/2023 và ngày 10/01/2023 như cáo trạng truy tố. Riêng đối với bị hại T1 bị cáo không thừa nhận sờ ngực và mông, bị cáo chỉ dùng tay nựng má và vỗ vai và bị cáo không có dùng lời lẽ thiếu tế nhị với Q như cáo trạng nêu. Bị cáo thống nhất theo luận tội của Kiểm sát viên, không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 10/01/2023 của Công an xã P; Biên bản khám nghiệm hiện trường và Sơ đồ hiện trường ngày 17/02/2023, Bản ảnh hiện trường; Lời khai bị hại, người đại diện bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 07/01/2023, bị cáo Nguyễn Văn D đang nằm võng ở cửa sau căn tin, lúc này Q (mới 14 tuổi 05 tháng 29 ngày) đi ngang, bị cáo dùng tay phải sờ vào mông phải của Q 01 cái, Q không phản ứng gì mà bỏ đi giỡn với nhóm bạn của Q. Tiếp tục, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 10/01/2023, bị hại Trương Thị Như Q, đi học và đến căn tin bán ăn uống của bị cáo để lấy xe mô tô biển số kiểm soát 66NA – 021.27, vì Q gửi xe phía sau căn tin của bị cáo. Trong lúc Q dẫn xe, bị cáo từ phía sau đi tới dùng tay vỗ vai, sờ ngực (bóp vú) và sờ mông của Q, Q hoảng sợ bỏ chạy ra phía trước cửa căn tin của bị cáo gặp Đào Thị Yên N2, Nguyễn Thị Kiều M, Nguyễn Ánh T3, Hồ Thị H (X) là bạn học chung trường kể lại sự việc bị bị cáo xâm hại như trên và nhờ N2 và H đi vào dẫn xe ra cho Q, sau đó, Q về nhà nói lại cho cha ruột Trương Văn L và tố giác hành vi của bị cáo và yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận có hành vi dâm ô vào ngày 07/01/2023 và ngày 10/01/2023 đối với Q đã nêu trên.

Đối với bị hại Hà Thị Bích T1, sinh ngày 18/02/2009, ngụ ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cũng đến cơ quan điều tra tố giác bị cáo vào khoảng tháng 11/2022, T1 thường xuyên đến căn tin của bị cáo mua đồ ăn, nước uống, khi đứng mua, bị cáo dùng tay sờ vào ngực và mông của T1 khoảng 05 – 06 lần chỉ có bạn của T1 là Nguyễn Thị Bảo N3 nhìn thấy. Bị cáo không thừa nhận có hành vi sờ ngực và mông của T1 mà chỉ có hành vi nựng má, vỗ vai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần truy tố tình tiết định khung phạm tội đối với 02 người trở lên đối với bị cáo D.

Xét thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi dâm ô đối với bị hại T1. Quá trình điều tra chỉ có lời khai của bị hại T1, còn lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Bảo N3 cho rằng những lần bị cáo dâm ô đối với T1 và Q chỉ nghe bạn kể lại nên không có đủ căn cứ chứng minh bị cáo phạm tội đối với bị hại T1. Do đó, đại diện Viện kiểm sát rút một phần truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự là phù hợp nên chấp nhận.

Hành vi dâm ô của bị cáo nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương đã đủ yếu tố cấu thành tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

[3] Trẻ em là thế hệ tương lai của đất nước, do vậy trẻ em cần được chăm sóc, bảo vệ và cần phải tạo điều kiện tốt nhất để các em phát triển về mọi mặt. Bị hại Q là người chưa thành niên và còn trong độ tuổi trẻ em, ở tuổi của Q sự nhận thức về mọi mặt, sự phát triển về tâm lý chưa hoàn thành, bất kỳ sự tác động tiêu cực nào đến bản thân đều ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm lý nên hành vi của bị cáo đã gây tổn thương tinh thần, gây ra tâm lý sợ người lạ, sợ người trưởng thành của Q trong cuộc sống về sau. Bản thân bị cáo là người đã thành niên có khả năng nhận thức được điều này nhưng vì lòng ham muốn dục vọng mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi dâm ô đối với Q nhiều lần như đã nêu trên. Hành vi của bị cáo chẳng những vi phạm pháp luật mà còn ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển về tâm lý của Q, gây bất bình trong nhân dân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với đơn xin cho bị cáo hưởng án treo của bị hại Q, người đại diện bị hại và bị cáo xin hưởng án treo. Xét thấy, hiện nay tình hình tội phạm dâm ô đối với người dưới 16 tuổi, xâm hại tình dục... diễn biến phức tạp có chiều hướng gia tăng ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong dư luận xã hội, tác động trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, sự phát triển bình thường của trẻ về tâm lý sau này. Do đó, cần giáo dục bị cáo phải chấp hành đúng quy định pháp luật, đồng thời răn đe đối với người khác nên cần xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật để góp phần ngăn chặn các hành vi dâm ô cũng như xâm hại tình dục trên địa bàn huyện trong thời gian tới nên không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả xong; bị hại có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo là lao động chính và có người thân tham gia cách mạng và có người con tham gia nghĩa vụ quân sự đã xuất ngũ nên xem xét giảm nhẹ một phần hình

phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, ngày 11/4/2023, đại diện bị hại ông Trương Văn L (cha ruột bị hại Q) yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn D bồi thường tiền tổn thất tinh thần, thiệt hại sức khỏe, danh dự nhân phẩm và các khoản chi phí hợp lý khác khác cho Q với tổng số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo đồng ý và đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với còn số tiền 2.000.000 đồng bị cáo D cho T1 là do thấy T1 và gia đình khó khăn đi làm thuê và bản thân T1 không có tiền đi học nên bị cáo D cho T1, không có mục đích nào khác, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên không xem xét.

[5] Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 bộ quần áo (trong đó: 01 quần cụt màu xám sọc ca rô và 01 áo thun cụt tay màu xám) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D. Xét thấy, không liên quan đến hành vi phạm tội và bị cáo yêu cầu được nhận lại nên xem xét trả lại bị cáo là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 bộ quần áo (trong đó: 01 quần dài màu đen, 01 áo trắng loại đồng phục học sinh và 01 áo ngực màu da người) thu giữ của Trương Thị Như Q. Xét thấy, vật chứng này thuộc sở hữu của bị hại Q nhưng Q không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 146; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự và Điều 319 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội: “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn D: 01 (một) bộ quần áo (trong đó: 01 quần cụt màu xám sọc ca rô và 01 áo thun cụt tay màu xám).

2.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bộ quần áo (trong đó: 01 quần dài màu đen, 01 áo trắng loại đồng phục học sinh và 01 áo ngực màu da người).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, đại diện hợp pháp bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại; đại diện bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tam Nông;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tam Nông;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hứa Quang Thông